

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/ DS - ST

Ngày: 22/7/2022

V/v: “*tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ - TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Trung

Các Hội thẩm nhân dân:- Ông Hồ Viết Ân

- Ông Lê Đức Dũng

Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Bích – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2022/TLST - DS ngày 28 tháng 02 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXXST – DS ngày 04 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Trần Thùy H, sinh năm: 1993

Địa chỉ: tổ 11, ấp S, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Bị đơn: bà Trịnh Thị T, sinh năm 1969

HKTT: 556/8/23 Nguyễn An Ninh, phường N, Tp. V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Chỗ ở: số 102, tổ 8, ấp 8, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Các đương sự vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Trịnh Thùy H trình bày: Chị và bà T thỏa thuận mua bán với nhau, khi mua bán các bên không hợp đồng chỉ thỏa thuận miệng. Ngày 20/7/2021 chị bán cho bà Trịnh Thị T 100 bao cám gà đẻ với giá là 24.500.000 đồng. Khi mua bán thì chị chở hàng đến nhà bà T giao hàng và cũng không ký nhận hàng. Bà T có viết giấy xác nhận mua 100 bao cám gà đẻ với số tiền là 24.500.000 đồng và hẹn đến ngày 16/01/2022 sẽ trả hết tiền cho chị.

Ngày 13/01/2022 thì bà T trả cho chị được 3.000.000 đồng còn nợ lại 21.500.000 đồng. Từ đó cho đến nay bà T chưa trả số tiền còn lại cho chị.

Nay chị yêu cầu bà Trịnh Thị T phải trả cho chị 21.500.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

* Tại biên bản lấy lời khai bà Trịnh Thị T trình bày: Bà mua của chị Trịnh

Thùy Hương 100 bao cám gà đẻ, trị giá là 24.500.000 đồng hẹn đến ngày 16/01/2022 thì sẽ trả hết tiền cho chị H. Khi mua bán thì các bên không lập hợp đồng mua bán chỉ thỏa thuận miệng với nhau. Sau khi nhận hàng thì bà có ký vào giấy viết tay cho chị H. Tuy nhiên, sau đó bà chỉ trả cho chị H được 3.000.000 đồng còn nợ lại chị H 21.500.000 đồng. Nay chị H yêu cầu thì bà đồng ý trả cho chị H 21.500.000 đồng nhưng yêu cầu được trả theo khả năng 01 tháng khoảng 500.000 đồng.

* Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ phát biểu ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Trịnh Thị T phải trả cho chị Trần Thùy H 21.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Trần Thùy H khởi kiện bà Trịnh Thị T yêu cầu bà T phải trả tiền còn thiếu khi mua bán nên quan hệ pháp luật là: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn và bị đơn có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp.

[3] Về nội dung tranh chấp: chị Trần Thùy H khởi kiện yêu cầu bà Trịnh Thị T phải trả 21.500.000 đồng tiền còn thiếu khi mua bán cám gà. Để bảo vệ cho yêu cầu của mình chị H cung cấp 01 giấy viết tay có chữ ký của bà T. Theo nội dung giấy viết tay bà T xác nhận mua của chị H 100 bao cám gà đẻ với giá là 24.500.000 đồng, hẹn đến ngày 16/01/2022 sẽ trả hết toàn bộ số tiền, nhưng ngày 13/01/2022 thì bà T đã trả cho chị H được 3.000.000 đồng nên bà T còn nợ lại chị H 21.500.000 đồng. Bà T cũng thống nhất với chị H về việc mua bán giữa các bên và cũng thừa nhận nợ chị H 21.500.000 đồng và đồng ý trả cho chị H 21.500.000 đồng. Tuy nhiên, bà T yêu cầu được trả theo khả năng mỗi tháng trả 500.000 đồng. Đối với phương thức trả bà T đề nghị thì chị H không đồng ý mà yêu cầu trả một lần. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận toàn bộ buộc bà T phải trả cho chị H 21.500.000 đồng.

[4] Đối với yêu cầu tính lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 1.075.000 đồng.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí lại cho nguyên đơn.

[6] Xét thấy quan điểm của đại diện VKS phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp thuận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thùy H về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

1. Buộc bà Trịnh Thị T phải có nghĩa vụ thanh toán cho chị Trần Thùy H 21.500.000 (*Hai mươi một triệu năm trăm ngàn*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: bà Trịnh Thị T phải chịu 1.075.000 (*Một triệu không trăm bảy mươi lăm*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014)/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai
- Viện kiểm sát H. Cẩm Mỹ;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;
- Đường sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai Trung